

Bản án số: 196/2026/DS-PT

Ngày: 16 - 4 - 2026

“V/v tranh chấp HĐVTS”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên
tòa: Bà Trần Thị Chơn
Bà Nguyễn Diệu Hiền
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Chi- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2026/TLPT-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 260/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu Vực 8 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 131/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

- Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1974. CCCD: 034174010338
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (Chồng bà C). CCCD: 026068003607

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965. CCCD: 091165000580

Địa chỉ: Ấp X, xã K, tỉnh An Giang.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Phạm Hoàng K - Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K thuộc Đoàn luật sư tỉnh A.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 08/8/2022, vợ chồng bà C ông T có cho bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 200.000.000đ để làm vốn kinh doanh, bà T1 có ký vào giấy thỏa thuận mượn tiền thừa nhận có vay số tiền trên. Từ đó đến nay bà T1 chưa trả lại cho vợ chồng ông bà được khoản tiền nào.

Đến ngày 06/02/2023 vợ chồng bà C có cho bà Nguyễn Thị T1 mượn số tiền xoay đồng vốn 281.700.000đ, bà T1 cam kết 05 ngày trả 01 lần là 25.000.000đ nhưng đến nay bà T1 chưa góp được khoản nào. Vì vậy bà T1 có viết tờ cam kết ký nhận là người nhận tiền vay giao cho ông bà giữ.

Nay vợ chồng bà C ông T yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải trả tổng số tiền gốc, lãi 1,66%/tháng của cả 02 khoản tiền, thời hạn tính lãi đến tháng 02/2025 là: Đối với số tiền gốc 200 triệu đồng lãi tính từ ngày 08/8/2022 đến tháng 02/2025 = 99.600.000 đồng; số tiền gốc 281.700.000đ lãi tính từ ngày 06/02/2023 đến tháng 02/2025 = 112.229.000 đồng. Vậy, tổng cộng bà T1 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà C là 299.600.000đ + 393.929.000đ = 693.529.000đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có ý kiến: Số tiền 200.000.000đ, bà T1 cho rằng liên quan đến giấy tờ nhà đất tôi mua của ông H, bà M và bà N, việc này giữa bà với bà C có ký giấy tờ mua bán nhà đất nhưng thực chất là tiền vay, số tiền này đã trả xong cho bà C từ rất lâu nhưng bà C không trả giấy mua bán nhà đất cho bà mà còn kiện yêu cầu trả tiền, việc này đang được Tòa án giải quyết ở một vụ kiện khác. Đối với số tiền 281.700.000đ là tiền bà C giao 50 phần hụi cho bà. Sau khi nhận tiền hụi, bà T1 đã trả hết số tiền vay 200.000.000đ có thể chấp giấy mua bán nhà đất nêu trên. Còn lại bà T1 đã đóng hụi chết xong cho bà C từ rất lâu. Vì vậy đối với 02 khoản tiền trên, bà T1 không còn nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C, ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2025/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** phải trả cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** và ông **Nguyễn Văn T** tổng số tiền là 628.338.100 đồng, trong đó, tiền gốc là 481.700.000 đồng; tiền lãi là 146.638.100 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 23/12/2025 bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn yêu cầu kháng cáo, xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã trả nợ xong nhưng chỉ trả qua tay với nhau không làm giấy tờ gì.

Luật sư trình bày quan điểm tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, thể hiện cụ thể tại 02 biên nhận nợ, đồng thời có giám định chữ ký trong hai biên nhận đều xác định là chữ ký của bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** bên nhận nợ, bị đơn thừa nhận nợ nhưng cho rằng đã trả xong, việc bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** có ý kiến:* Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố Tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** thực hiện quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo, theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 276 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử thống nhất xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông **Nguyễn Văn T** là đồng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 294, 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do các khoản nợ mà nguyên đơn yêu cầu bà đã trả xong, việc trả nợ không có giấy tờ gì.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 02 khoản nợ là, nợ vay và nợ hui tổng cộng 481.700.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mức lãi suất 10%/năm. Cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, thể hiện tại các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là 02 biên nhận xác nhận nợ của bị đơn, đồng thời có kết luận giám định đúng chữ ký của bị đơn (bút lục 23, 79).

Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo không đồng ý trả nợ theo bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa để chứng minh cho ý kiến của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo bị đơn và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận ý kiến của Luật sư và nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Giữ theo bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** phải nộp án phí do kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà **T1** người cao tuổi và có đơn xin miễn nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Nguyễn Thị T1**.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 260/2025/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - An Giang.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** và ông **Nguyễn Văn T** đối với bà **Nguyễn Thị T1** về các khoản nợ vay và hụi.

Buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** và ông **Nguyễn Văn T** tổng số tiền là 628.338.100 đồng (Sáu trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm đồng). Trong đó, tiền gốc là 481.700.000 đồng và tiền lãi là 146.638.100 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng), bị đơn phải chịu.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng nên buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** phải trả lại số tiền 8.500.000 đồng cho nguyên đơn ông **Nguyễn Văn T**, bà **Nguyễn Thị Kim C**. Số tiền còn thừa là 1.500.000 đồng nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** đã liên hệ với Tòa án nhân dân Khu vực 8 nhận lại xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn án phí tạm nộp gồm: Số tiền 7.490.000 đồng theo lai thu số 0015726 ngày 02/6/2025; số tiền 7.490.000 đồng theo lai thu số 0015727 ngày 02/6/2025; số tiền 9.848.225 đồng theo lai thu số 0015728 ngày 02/6/2025; số tiền 9.848.225 đồng theo lai thu số 0015729 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh An Giang).

Bị đơn được miễn toàn bộ án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Khu vực 8;
- THADS Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa DS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chơn